

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS- ST
Ngày: 24 - 8 -2020
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dinh và ông Phạm Quang Đơn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thảo Thị Thu Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-DSTC ngày 05 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích T; địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường M, thành phố Đ, tỉnh B (*chưa có số nhà*) - Có mặt;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hải N; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B; công tác tại: Bảo hiểm xã hội tỉnh B - Vắng mặt;

Người làm chứng (*bổ sung tại phiên tòa theo yêu cầu của nguyên đơn*): Ông Nguyễn Thanh T; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh B - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phạm Thị Bích T trình bày:

Do có quen biết từ trước, ngày 08/10/2019, bà T cho bà Nguyễn Hải N vay 650.000.000 đồng, với lãi suất 1% một tháng; thời hạn vay 22 ngày từ ngày 08/10/2019 đến ngày 30/10/2019 (*đơn khởi kiện viết thời hạn trả 30/9/2020 là do bà T nhầm lẫn*). Hai bên có lập "Giấy vay tiền" ngày 08/10/2019, bà N ký và viết

tên vào bên "Người vay" và viết dòng chữ: "*Tôi đã nhận đủ số tiền vay trên sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn*" dưới chữ ký; giấy vay tiền có chữ ký của người làm chứng Lương Xuân Tr, là nhân viên của bà T, nhưng hiện Tr không làm cho bà T nữa, bà T không biết địa chỉ của Tr ở đâu. Đến hạn, bà N không trả tiền gốc và lãi cho bà T theo thỏa thuận.

Sau nhiều lần đòi, ngày 11/11/2019 bà N đã chuyển trả cho bà T 50.000.000 đồng; ngày 02/12/2019 thỏa thuận chuyển một phần nợ cho ông Nguyễn Thanh T (*anh trai của chồng bà N*), theo đó ông T sẽ trả bà T 190.000.000 đồng, trừ vào số nợ 650.000.000 đồng của bà N. Bà N tiếp tục hẹn đến 20/4/2020 sẽ trả nốt 410.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho bà T, nhưng sau đó không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà T yêu cầu bà N trả cho bà T 410.000.000 đồng tiền gốc và lãi như sau: Lãi của 650.000.000 đồng tiền gốc vay ban đầu từ ngày vay 08/10/2019 đến ngày 08/11/2019 (tính tròn tháng) là 01 tháng, với mức lãi xuất 1%/tháng là 6.500.000 đồng; Lãi của 410.000.000 đồng tiền gốc còn lại từ ngày 09/11/2019 đến ngày 09/7/2020 (tạm tính cho tròn tháng) là 08 tháng, với mức 01%/tháng là 32.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T có thay đổi yêu cầu về lãi như sau:

- Yêu cầu bà N trả lãi vay trong hạn là 22 ngày của 650.000.000 đồng với lãi xuất 1%/tháng, cụ thể: Tiền lãi 01 ngày tính chẵn là 216.000 đồng x 22 ngày = 4.752.000 đồng; rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi này tương ứng với số tiền là $6.500.000 - 4.752.000 = 1.748.000$ đồng.

- Yêu cầu bà N trả lãi quá hạn vay đối với số tiền 410.000.000 đồng từ ngày 02/12/2019 (ngày các bên thống nhất đối trừ 190.000.000 đồng vào khoản nợ của bà N) đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2020 là 08 tháng 22 ngày, với mức lãi xuất theo quy định là 10%/năm; cụ thể: Lãi một năm là 41.000.000 đồng; một tháng tính chẵn là 3.416.000 đồng, một ngày tính chẵn là 113.000 đồng; lãi quá hạn yêu cầu trả là: $(8 \times 3.416.000) + (22 \times 113.000) = 29.724.000$ đồng; rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi nợ quá hạn tương ứng với số tiền là $32.800.000 - 29.724.000 = 3.076.000$ đồng;

- Yêu cầu bà N trả lãi theo quy định tính đến ngày trả hết nợ.

Khoản tiền 190.000.000 chuyển nợ sang ông T, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trước năm 2019 bà T cũng có cho bà N vay tiền, nhưng số tiền này bà N đã trả cho bà T, không có liên quan đến khoản nợ 650.000.000 đồng này.

2. Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 28/7/2020 và văn bản ý kiến bổ sung ngày 21/8/2020, bị đơn bà Nguyễn Hải N trình bày:

Năm 2017 bà N vay bà T số tiền 580.000.000 đồng, khi vay có làm giấy tờ, mỗi tháng bà N trả cho bà T 15.000.000 đồng qua tài khoản tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Điện Biên, nhưng chưa trả hết. Bà N không nhớ chính xác đã chuyển

trả bà T bao nhiêu tiền và còn nợ bà T bao nhiêu tiền. Các tài liệu, chứng cứ về việc này, bà N sẽ tự thu thập và cung cấp cho Tòa án sau vì hiện bà N đang làm lại chứng minh nhân dân; không yêu cầu Tòa án thu thập, nếu không thu thập được bà N sẽ yêu cầu Tòa án sau.

Ngày 08/10/2019 bà N và bà T có viết lại giấy vay tiền giữa hai bên với số tiền vay 650.000.000 đồng, lãi xuất 1%/tháng, thời hạn vay từ 08/10/2019 đến 30/10/2019; bà N là người ký tên bên vay và viết dòng chữ "Tôi đã nhận đủ số tiền vay trên" theo yêu cầu của bà T; khi lập lại giấy vay này, bà N đã hủy giấy vay cũ đi nên không còn để cung cấp cho Tòa án. Bà T khởi kiện yêu cầu bà N trả 410.000.000 đồng tiền gốc vì sau ngày lập lại giấy vay ngày 8/10/2019, bà N đã chuyển trả cho bà T 50.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng và bà T nhận một món nợ khác 190.000.000 đồng để trừ vào số tiền 650.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền.

Vì vậy, bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà T.

3. Người làm chứng ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông T là anh trai của chồng bà Nguyễn Hải N; ông T có quen biết với bà Phạm Thị Bích T từ trước. Ông T được biết bà N có vay bà T số tiền 650.000.000 đồng. Ngày 02/12/2019 ông T và bà T có thỏa thuận ông T sẽ trả cho bà T số tiền 190.000.000 đồng trong số nợ 650.000.000 đồng tại giấy biên nhận giữa bà T và bà N, việc này cũng được sự đồng ý của bà N. Ngoài ra ông T không còn ý kiến gì khác.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tương ứng với số tiền nguyên đơn rút yêu cầu; bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi nếu chậm thi hành án cho đến khi trả hết nợ theo quy định của pháp luật; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 02/7/2020 bà Phạm Thị Bích T nộp đơn khởi kiện vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với bà Nguyễn Hải N. Cùng ngày bà T nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí và Tòa án đã thụ lý vụ án theo Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự (Sau đây ghi tắt là *BLTTDS*).

- Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" giữa bà T đối với bà N, có địa chỉ tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] *Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc.*

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được các bên thừa nhận thì: Ngày 08/10/2019 bà Phạm Thị Bích T và bà Nguyễn Hải N có lập "Giấy vay tiền" với nội dung: Bà T cho bà N vay số tiền 650.000.000 đồng với lãi xuất 01%/tháng; thời hạn vay 22 ngày (từ 08/10/2019 đến 30/10/2019). Bà N ký vào bên "Người vay" và viết dòng chữ " Tôi đã nhận đủ số tiền vay trên". Sau ngày lập "Giấy vay tiền" này, bà T đã chuyển qua tài khoản Ngân hàng trả cho bà T 50.000.000 đồng và thống nhất trừ đi 190.000.000 đồng ông T nhận trả vào số tiền 650.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền giữa bà T và bà N.

Theo bà N thì bà N có vay bà T 580.000.000 đồng vào năm 2017 và đã chuyển trả cho bà T mỗi tháng 15 triệu qua Ngân hàng; "Giấy vay tiền" ngày 08/10/2019 là giấy viết lại của giấy vay năm 2017. Tuy nhiên, bà N không có chứng cứ về việc này, cũng không nhớ mình đã chuyển trả nợ bao nhiêu, còn nợ bao nhiêu; các tài liệu chứng cứ về việc này bà N trình bày sẽ tự thu thập để cung cấp cho Tòa án, nhưng cho đến nay bà N không cung cấp được, đồng thời bà N tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T khi vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Ngày 08/10/2019 bà N có vay bà T số tiền 650.000.000 đồng; bà N đã trả cho bà T 50.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 11/11/2019 và thống nhất chuyển nợ cho ông T trả 190.000.000 đồng, còn lại 410.000.000 đồng chưa trả. Yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc 410.000.000 đồng của bà T đối với bà N là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 (sau đây ghi tắt là BLDS).

[2.2] *Đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi:*

- Lãi trong hạn: Theo "Giấy vay tiền" ngày 08/10/2019 thì lãi xuất cho vay là 01%/tháng, thời hạn vay 22 ngày (từ ngày 08/10/2019 đến ngày 30/10/2019), sau ngày 30/10/2019 bà N mới trả cho bà T 240.000.000 đồng. Vì vậy, theo khoản 1 Điều 468 BLDS, bà N phải trả cho bà T tiền lãi tính trên số tiền vay 650.000.000 đồng trong 22 ngày là 4.752.000 đồng.

- Lãi quá hạn: Quá hạn trả nợ, tính đến ngày 02/12/2019 bà N mới trả cho bà T 50.000.000 đồng, thống nhất trừ 190.000.000 đồng vào khoản nợ của cho ông T; còn lại 410.000.000 quá hạn chưa trả, nên bà N phải trả cho bà T tiền lãi chậm trả của số tiền này theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS với mức 10% một năm tính

từ ngày 02/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2020 là 29.724.000 đồng; đồng thời bà N phải trả cho bà T khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi trả hết nợ.

[3] Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi trong hạn và quá hạn, nên đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này tương ứng với số tiền đã rút theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS 2015.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Hải N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền phải trả là 444.476.000 đồng, theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể là: $20.000.000 + (44.476.000 \times 4\%) = 21.779.040$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản vào Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T đối với bà Nguyễn Hải N: Bà Nguyễn Hải N có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Bích T tổng số tiền là 444.476.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi tư triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*); Trong đó:

- Tiền gốc là 410.000.000 đồng (*bốn trăm mười triệu đồng*);

- Tiền lãi: + Lãi trong hạn vay 22 ngày (*từ ngày 08/10/2019 đến ngày 30/10/2019*) của 650.000.000 đồng, với mức 01%/tháng là 4.752.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*)

+ Lãi quá hạn vay 08 tháng 22 ngày (*từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2020*) của 410.000.000 đồng, với mức 10%/năm là 29.724.000 đồng (*hai mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tư nghìn đồng*).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với tổng số tiền lãi là 4.824.000 đồng (*bốn triệu tám trăm hai mươi tư nghìn đồng*); trong đó gồm: Lãi trong hạn là 1.748.000 đồng (*một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng*); lãi quá hạn là 3.076.000 đồng (*ba triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị Bích T cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bà Nguyễn Hải N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Bà Nguyễn Hải N phải chịu 21.779.040 đồng (*hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Trả lại cho bà Phạm Thị Bích T 10.986.000 đồng (*mười triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/ 0000169 ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa

Vũ Thị N

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị N;

- Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Đôn;

Bà Lò Thị Dinh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 104/2020/TLST -DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 về: *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích T; địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (*chưa có số nhà*);

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hải N; địa chỉ: Số nhà 115D, tổ dân phố 10, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; công tác tại: Bảo hiểm xã hội tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật có liên quan;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 2 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản vào Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T đối với bà Nguyễn Hải N: Bà Nguyễn Hải N có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Bích T tổng số tiền là 444.476.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi tư triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*); Trong đó:

- Tiền gốc là 410.000.000 đồng (*bốn trăm mười triệu đồng*);

- Tiền lãi:

+ Lãi trong hạn vay 22 ngày (*từ ngày 08/10/2019 đến ngày 30/10/2019*) của 650.000.000 đồng, với mức 01%/tháng là 4.752.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*)

+ Lãi quá hạn vay 08 tháng 22 ngày (từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2020) của 410.000.000 đồng, với mức 10%/năm là 29.724.000 đồng (hai mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tư nghìn đồng).

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với tổng số tiền lãi là 4.824.000 đồng (bốn triệu tám trăm hai mươi tư nghìn đồng); trong đó gồm: Lãi trong hạn là 1.748.000 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng); lãi quá hạn là 3.076.000 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị Bích T cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bà Nguyễn Hải N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

4. Án phí: Bà Nguyễn Hải N phải chịu 21.779.040 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

5. Trả lại cho bà Phạm Thị Bích T 10.986.000 đồng (Mười triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/ 0000169 ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

6. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

Việc nghị án kết thúc vào 10 giờ 20 phút, ngày 24 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị N

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị N

